

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

Bản án số 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2026

“Về việc ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hữu Ý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Phạm Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2026 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026 ngày 15/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh ngày 01/01/1963; Căn cước công dân số 0361630132xx; địa chỉ thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh ngày 06/01/1958; Căn cước công dân số 0370580094xx; địa chỉ thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 09/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Lê Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình vào khoảng tháng 8/1982 sau đó được tổ chức cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân, do tính tình không hợp; bất đồng quan điểm và luôn nghi ngờ, không tin tưởng nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 đến nay, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm không còn và không thể đoàn tụ được nữa, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà N và ông T có năm người con là Lê Văn P, sinh ngày 19/12/1983; Lê Thị T1, sinh ngày 21/11/1985; Lê H, sinh ngày 05/9/1987; Lê Ngọc T2, sinh ngày 20/10/1987, Lê Anh T3, sinh ngày 20/4/1990 hiện các cháu đã trên 18 tuổi, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như yêu cầu ông Lê Văn T giao nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ông T có mặt tại địa phương, nhận các văn bản nhưng không có ý kiến gì về việc bà N yêu cầu giải quyết ly hôn với ông.

Tại biên bản xác minh ngày 18/3/2026 tại thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình, các thành phần tham gia làm việc cung cấp: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1963 và ông Lê Văn T, sinh năm 1958 đều có địa chỉ tại thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình. Bà N và ông T đăng ký kết hôn vào năm 1982 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình, nhưng qua kiểm tra hiện tại UBND xã không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1982 nên không thể trích lục bản sao kết hôn cho bà N, ông T. Quá trình chung sống bà N, ông T thường xảy ra mâu thuẫn và không cùng chung sống với nhau từ nhiều năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau; bà N và ông T có 05 người con chung, nhưng đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Nay bà N làm đơn xin ly hôn với ông T, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành và không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:

- Cho ly hôn giữa Bà Hoàng Thị N với ông Lê Văn T.

- Về án phí: Bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hoàng Thị N và ông Lê Văn T đều có nơi cư trú tại: thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là tranh chấp về hôn nhân

và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

Bị đơn là ông Lê Văn T vắng mặt phiên tòa, nhưng Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với ông T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 15/4/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông Lê Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho ông T đến phiên tòa lần thứ hai tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình. Tòa án mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 1982, có 5 người con, con lớn nhất sinh ngày 19/12/1983; con nhỏ nhất sinh ngày 20/4/1990 mặc dù bà N, ông T không có đăng ký kết hôn nhưng được công nhận là hôn nhân thực tế. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 “Về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình” Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “Về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình” quy định trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị N và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 1982, không có đăng ký kết hôn, nhưng có 5 người con. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và luôn nghi ngờ, không tin tưởng nhau, dẫn đến hai bên sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến đời sống vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã không cùng chung sống, yêu thương chăm sóc, giúp đỡ nhau trong thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của Bà Hoàng Thị N.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có 5 người con là Lê Văn P, sinh ngày 19/12/1983; Lê Thị T1, sinh ngày 21/11/1985; Lê H, sinh ngày 05/9/1987; Lê Ngọc T2, sinh ngày 20/10/1987; Lê Anh T3, sinh ngày 20/4/1990, hiện các con đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà N không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 “Về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình”.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N và cho bà Hoàng Thị N ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị N được miễn nộp án phí ly hôn.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã K;
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

(Đã ký)

Phan Hữu Ý